



HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG HẠN MỨC

Số:, ngày.....tháng.....năm 20.....

▪ **Bên cho vay: Tổ chức Tài chính Vi mô TNHH Một thành viên Tỉnh Thương - Chi nhánh** **PGD**

- Địa chỉ: Điện thoại:

- Đại diện: Ông/Bà Chức vụ:

▪ **Bên vay gồm:**

- **Khách hàng vay vốn: Bà** Ngày sinh:/...../.....

Là khách hàng thuộc Tổ vay vốn số (nếu có): , Cụm số: Số điện thoại:

Đối tượng khách hàng vay vốn: ☐ Cá nhân/☐ Cá nhân đại diện hộ gia đình (theo văn bản ủy quyền (nếu có) số: ngày/...../.....)

Số ĐCCN (số CCCD): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú (TT):

Nơi ở hiện nay: ☐ Theo địa chỉ TT; ☐ Khác:

Tình trạng hôn nhân: ☐ Độc thân /☐ Kết hôn /☐ Ly hôn /☐ Góa.

- ☐ Người đồng vay vốn/☐ Người bảo lãnh: ☐ Ông/☐ Bà

Ngày sinh:/...../..... Điện thoại: Mỗi quan hệ với khách hàng:

Số ĐCCN (số CCCD): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú (TT):

Nơi ở hiện nay: ☐ Theo địa chỉ TT; ☐ Khác:

Hai bên thống nhất ký hợp đồng tín dụng hạn mức (sau đây gọi chung là “Hợp đồng tín dụng”) để thỏa thuận về việc cho vay cụ thể như sau:

Điều 1. Mục đích sử dụng tiền vay, phương thức cho vay, tài sản đảm bảo, đồng tiền cho vay, trả nợ

- Mục đích sử dụng tiền vay: Hỗ trợ khách hàng phục vụ nhu cầu đời sống; hỗ trợ khách hàng về vốn để xây dựng, sửa chữa nhà cửa, công trình phụ, công trình nước sạch; bổ sung vốn cho việc đầu tư vào các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, kinh doanh, buôn bán, dịch vụ nhằm tăng thu nhập, cải thiện đời sống của khách hàng và gia đình khách hàng.
- Mục đích sử dụng tiền vay mỗi lần giải ngân được thể hiện trên từng Đề nghị giải ngân; thẩm định, đề xuất, phê duyệt giải ngân kiểm kê ước nhận nợ.
- Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức.
- Tài sản bảo đảm: ☒ Nghĩa vụ tài chính của bên vay bao gồm nghĩa vụ hoàn trả gốc, lãi quá hạn, lãi trả chậm và các khoản phải trả khác liên quan đến khoản vay tại Hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ này được khách hàng tự nguyện đảm bảo bằng toàn bộ tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, tiết kiệm tự nguyện của khách hàng tại TYM theo quy định của TYM./ ☐ Không có tài sản bảo đảm.
- Hạn mức tín dụng (Dư nợ tối đa) tại một thời điểm: (Đồng)

(Bằng chữ:))

- Thời hạn của hạn mức tín dụng: tháng, kể từ ngày/...../20..... đến/...../20.....
- Số tiền cho vay cụ thể được tính cho từng lần nhận nợ và được theo dõi tại Đề nghị giải ngân; thẩm định, đề xuất, phê duyệt giải ngân kiểm kê ước nhận nợ kèm theo.
- Hình thức hoàn trả: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Đồng tiền cho vay và đồng tiền trả nợ: Loại tiền đồng Việt Nam.

Điều 2. Điều kiện giải ngân

- Mỗi lần giải ngân Bên cho vay và Bên vay lập Đề nghị giải ngân; thẩm định, đề xuất, phê duyệt giải ngân kiểm kê ước nhận nợ ghi rõ mục đích sử dụng vốn phù hợp với đặc điểm, nhu cầu sản xuất kinh doanh, đời sống hợp pháp của Bên vay. Các hồ sơ này được Bên cho vay phê duyệt là điều kiện để giải ngân cho Bên vay.
- Tại thời điểm giải ngân vốn, tổng dư nợ vốn vay hạn mức theo hợp đồng tín dụng của khách hàng sau khi giải ngân không vượt quá hạn mức tín dụng được phê duyệt.
- Hồ sơ vay vốn và các văn bản, giấy tờ liên quan đáp ứng yêu cầu của Bên cho vay.
- Mục đích giải ngân vốn vay phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.
- Không có bất kỳ sự kiện Vi phạm nào đang phát sinh (sự kiện vi phạm là việc vi phạm tiêu chuẩn, điều kiện vay vốn của TYM).
- Bên cho vay giải ngân vốn cho vay thông qua hình thức ☒ tiền mặt hoặc ☐ dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (chuyển tiền vào tài khoản do khách hàng chỉ định) phù hợp với quy định của Bên cho vay và quy định của pháp luật.

Điều 3. Lãi suất cho vay

- Được quy định cụ thể theo quy định của TYM từng thời kỳ.
- Phương pháp tính lãi suất: Áp dụng cố định trên số tiền dư nợ ban đầu mà Bên cho vay đã thực tế giải ngân cho Bên vay (số tiền nhận nợ) từ thời điểm giải ngân cho đến khi tất toán khoản vay, không phụ thuộc vào yếu tố dư nợ vay giảm dần. Hệ thống tính lãi vay hàng ngày, lãi vay của một kỳ bằng tổng lãi vay của các ngày trong kỳ. Lãi vay hàng kỳ được làm tròn đến 1.000 đồng, được bù trừ giữa các kỳ liên tiếp.
- Lãi suất cho vay được ghi trên từng Đề nghị giải ngân; thẩm định, đề xuất, phê duyệt giải ngân kiểm kê ước nhận nợ tại mỗi lần giải ngân.

Điều 4. Thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ, hình thức hoàn trả

Thời hạn cho vay, kỳ hạn hoàn trả gốc và lãi vay, hình thức hoàn trả được thỏa thuận trên từng Đề nghị giải ngân; thẩm định, đề xuất, phê duyệt giải ngân kiểm kê ước nhận nợ.

Điều 5. Trả nợ gốc và lãi

- Bên vay chấp hành đầy đủ các quy định của Pháp luật và các cam kết thỏa thuận với Bên cho vay; sử dụng tiền vay đúng mục đích và tạo điều kiện để Bên cho vay kiểm tra việc sử dụng tiền vay; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác và trung thực của các hồ sơ đã cung cấp;
- Bên vay có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi cho Bên cho vay đầy đủ và đúng hạn trả nợ theo lịch hoàn trả tại địa điểm thu tiền theo quy định của Bên cho vay.
- Nếu Bên vay không trả nợ hoặc không trả đầy đủ đúng hạn nợ gốc và lãi, Bên vay phải chịu trả lãi như sau:
 - Trường hợp khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, thì Bên vay phải trả lãi trên dư nợ quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả và lãi suất áp dụng tối đa là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn theo quy định của TYM tại từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật.
 - Trường hợp Bên vay không trả đúng hạn tiền lãi tính trên nợ gốc đã thỏa thuận, Bên vay phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do Bên cho vay ấn định và tối đa là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của TYM tại từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật.
- Bên vay trả gốc, lãi theo kỳ hoàn trả: Được hai bên thống nhất trên từng Đề nghị giải ngân; thẩm định, đề xuất, phê duyệt giải ngân kiểm kê ước nhận nợ. Trường hợp kỳ hoàn trả được xác định theo chu kỳ tuần (gồm trả gốc, lãi theo tuần, 4 tuần hoặc các chu kỳ liên quan đến tuần): Việc thu nợ được thực hiện vào một ngày cố định trong tuần (từ thứ Hai đến thứ Sáu); Trường hợp kỳ hoàn trả được xác định theo chu kỳ tháng (gồm trả gốc, lãi theo tháng, 2 tháng, 4 tháng hoặc các chu kỳ liên quan đến tháng): Việc thu nợ được thực hiện vào một ngày cố định trong tháng.
- Trong trường hợp Bên vay thanh toán trước hạn, Bên vay chấp nhận sẽ thanh toán phí trả nợ trước hạn, mức phí trả nợ trước hạn được căn cứ theo quy định của TYM tại thời điểm trả nợ trước hạn.
- Nếu Khách hàng ký tại Hợp đồng tín dụng này không trả được thì ☐ Ông/☐ Bà: là ☐ Người đồng vay vốn/☐ Người bảo lãnh ký tên tại (một trong các văn bản): Đề nghị giải ngân; thẩm định, đề xuất, phê duyệt giải ngân kiểm kê ước nhận nợ, Đơn cam kết bảo lãnh/thẩm định bảo lãnh (nếu có), Giấy đăng ký nhận thông tin giải ngân vốn vay (nếu có), Đề nghị điều chỉnh hợp đồng tín dụng hạn mức (nếu có), Phụ lục hợp đồng tín dụng (nếu có) và các thành viên trong hộ gia đình ký tên tại văn bản ủy quyền có trách nhiệm hoàn trả cho đến khi hết nợ (trường hợp vay theo cá nhân đại diện hộ gia đình) có trách nhiệm hoàn trả cho đến khi hết nợ.

Điều 6. Số dư tiết kiệm bắt buộc: Bên vay cam kết đảm bảo tỷ lệ số dư tiết kiệm bắt buộc so với tổng mức vay của khách hàng theo quy định của TYM.

Điều 7. Cơ cấu thời gian trả nợ: Bên cho vay xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Bên vay theo quy định của TYM;

Điều 8. Các sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Bên vay

1. Bên vay cam kết duy trì đầy đủ các điều kiện làm căn cứ để TYM xem xét cấp tín dụng và bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong suốt thời gian vay.
2. Việc phát sinh các sự kiện dưới đây được xem là trường hợp Bên vay không còn đáp ứng hoặc không còn duy trì các điều kiện, cam kết làm căn cứ cấp tín dụng theo Hợp đồng tín dụng. Từ đó TYM có quyền xem xét, một số hoặc tất cả Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Bên vay quy định tại Điều 8 Hợp đồng này.
- a) Bên vay chết;
 - b) Bên vay bị Tòa án tuyên bố mất tích;
 - c) Bên vay bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
 - d) Bên vay bị tạm giam, tạm giữ hoặc đang chấp hành hình phạt tù;
 - e) Các trường hợp khác làm ảnh hưởng đáng kể đến khả năng trả nợ của Bên vay.

Điều 9. Chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn:

1. Bên vay đồng ý việc Bên cho vay chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi:
- a) Phát hiện Bên vay cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng tín dụng hoặc khế ước nhận nợ hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - b) Xảy ra một, một số hoặc tất cả Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Bên vay quy định tại Điều 8 Hợp đồng này.
2. Bên vay phải trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn theo thông báo bằng văn bản của Bên cho vay về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Trường hợp Bên vay không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc bị thu hồi trước hạn thì Bên vay đồng ý việc Bên cho vay chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên vay không trả được nợ trước hạn và áp dụng lãi suất đối với Dư nợ gốc quá hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng này và/hoặc quy định của TYM tại từng thời điểm.
3. Khi chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn, Bên cho vay gửi thông báo bằng văn bản cho Bên vay (Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn).

Điều 10. Thu hồi và xử lý nợ

1. Nếu bên vay vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào trong Hợp đồng tín dụng, đề nghị cấp hạn mức tín dụng hoặc Đề nghị giải ngân; Thẩm định, đề xuất, phê duyệt giải ngân kiểm kê ước nhận nợ thuộc Hợp đồng tín dụng này; hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ 10 ngày trở lên; hoặc xảy ra một, một số hoặc tất cả Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Bên vay quy định tại Điều 8 Hợp đồng này thì Bên cho vay được toàn quyền quyết định: (i) Trích tiền từ bất kỳ khoản tiết kiệm nào Bên vay tại TYM để thu hồi toàn bộ dư nợ vốn chậm trả; (ii) Chuyển toàn bộ khoản dư nợ của Bên vay sang nợ quá hạn và thực hiện ngay mọi biện pháp thu hồi nợ phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Khách hàng xác nhận đã được TYM giải thích rõ và tự nguyện đồng ý rằng, trong trường hợp khách hàng vay vốn chết, TYM được quyền ưu tiên bù trừ các khoản nợ/nghĩa vụ trả tiền bằng các khoản tiền gửi và tiết kiệm của khách hàng tại TYM trước khi thực hiện thủ tục liên quan đến thừa kế. Đối với khoản nợ/nghĩa vụ trả tiền còn lại sau khi bù trừ Bên cho vay tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi phù hợp theo quy định của pháp luật.
3. Thứ tự thu nợ gốc lãi được thực hiện như sau: Bên cho vay và Bên vay thỏa thuận về thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, Bên cho vay thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, Bên cho vay thực hiện thu nợ theo thứ tự thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, thu nợ gốc đến hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả.
4. Bên cho vay được bán một phần hoặc toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng, Đề nghị giải ngân; thẩm định, đề xuất, phê duyệt giải ngân kiểm kê ước nhận nợ thuộc Hợp đồng tín dụng này cho tổ chức khác theo quy định của Pháp luật về mua, bán nợ mà không cần Bên vay đồng ý.

Điều 11. Thông báo thay đổi

1. Bên vay phải thông báo cho Bên cho vay trước ít nhất 3 (ba) ngày, kể từ ngày phát sinh các sự kiện:
- a) Bên vay thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc.
 - b) Thay đổi mục đích vay vốn.
2. Bên vay phải thông báo cho Bên cho vay trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc, kể từ khi phát sinh các sự kiện sau:
- a) Khách hàng/Người đồng vay vốn/Người bảo lãnh chết, mất tích;
 - b) Mất khả năng thanh toán hoặc có các sự kiện khác ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng;

Điều 12. Bộ hồ sơ giao dịch và giá trị pháp lý của các tài liệu

1. Hợp đồng tín dụng này cùng với toàn bộ các tài liệu, chứng từ, dữ liệu và văn bản được Bên vay cung cấp, xác nhận, ký kết, hoặc chấp thuận dưới bất kỳ hình thức hợp pháp nào trong quá trình đề nghị vay vốn, thẩm định, giải ngân, quản lý khoản vay, thu hồi nợ và xử lý nghĩa vụ trả nợ, bao gồm nhưng không giới hạn ở: Giấy đề nghị cấp hạn mức tín dụng, Đề nghị giải ngân; thẩm định, đề xuất, phê duyệt giải ngân kiểm kê ước nhận nợ, phương án sử dụng vốn, cam kết của Bên vay, chứng từ giải ngân, lịch trả nợ, phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng, cam kết bảo lãnh, biên bản làm việc, thông báo của TYM, xác nhận giao dịch, dữ liệu và các tài liệu khác có liên quan, hợp thành một bộ hồ sơ giao dịch thống nhất, không tách rời và có giá trị pháp lý ràng buộc đối với các Bên.
2. Bên vay xác nhận: a) Đã cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu trong hồ sơ vay vốn; b) Đã được TYM giải thích đầy đủ quyền, nghĩa vụ và các điều kiện tín dụng liên quan đến khoản vay; c) Đã đọc, hiểu, đồng ý và chịu sự ràng buộc bởi toàn bộ các tài liệu thuộc bộ hồ sơ giao dịch quy định tại Điều này; d) Không viện dẫn lý do chưa đọc, chưa hiểu, không được giải thích hoặc không được lưu giữ bản sao tài liệu để từ chối thực hiện nghĩa vụ đã cam kết.
3. Các tài liệu, chứng từ, lịch sử giao dịch, dữ liệu điện tử và các hình thức lưu trữ thông tin khác được TYM tạo lập, thu thập, lưu giữ hoặc khai thác hợp pháp trong quá trình giao kết và thực hiện khoản vay có giá trị chứng cứ chứng minh giao dịch, nghĩa vụ của Bên vay và được các Bên thừa nhận là chứng cứ hợp pháp khi giải quyết tranh chấp, trừ trường hợp có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Trường hợp có sự khác nhau giữa các tài liệu thuộc bộ hồ sơ giao dịch, thứ tự ưu tiên áp dụng được xác định như sau: a) Văn bản sửa đổi, bổ sung được ký kết sau cùng; b) Hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng tín dụng; c) Khế ước nhận nợ, giấy nhận nợ, chứng từ giải ngân; d) Các tài liệu, chứng từ khác thuộc bộ hồ sơ giao dịch.
5. Các tài liệu nội bộ của TYM phục vụ hoạt động quản trị, thẩm định, đánh giá tín dụng, quản lý rủi ro, phê duyệt khoản vay hoặc xử lý nợ không phải là một phần của bộ hồ sơ giao dịch và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với Bên vay, trừ trường hợp TYM có văn bản xác nhận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 13. Thỏa thuận khác

1. Bên vay chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác các tài liệu, thông tin liên quan đến khoản vay theo yêu cầu của Bên cho vay.
2. Bên cho vay được quyền yêu cầu Bên vay cung cấp toàn bộ các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh và thông tin cần thiết liên quan đến khoản vay. Đồng thời, Bên cho vay được quyền cung cấp các thông tin nêu trên và các thông tin khác có liên quan đến Bên vay, khoản vay theo Hợp đồng tín dụng này cho Bên thứ ba theo quy định của pháp luật và cho đơn vị được phép hoạt động trong lĩnh vực thông tin tín dụng.
3. Bên cho vay được định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và các vấn đề khác có liên quan đến khoản vay.
4. Mọi sửa đổi bổ sung điều khoản nào của Hợp đồng tín dụng đều phải được hai bên chấp thuận và được thể hiện ở phụ lục điều chỉnh hợp đồng. Phụ lục của hợp đồng tín dụng là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng tín dụng
5. Phạt vi phạm: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng này, bất kỳ bên nào vi phạm Hợp đồng tín dụng này đều phải chịu phạt vi phạm, với mức phạt là: 0% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng tín dụng này bị vi phạm.
6. Bồi thường thiệt hại cho Bên cho vay: Bên vay phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Bên cho vay trong trường hợp Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp đồng tín dụng này và có lỗi dẫn đến gây thiệt hại và tổn thất cho Bên cho vay.
7. Bồi thường thiệt hại cho Bên vay: Bên cho vay phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Bên vay trong trường hợp Bên cho vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp đồng tín dụng này và có lỗi dẫn đến gây thiệt hại và tổn thất cho Bên vay.
8. Bên vay chịu các khoản chi phí tổ tụng và các loại phí khác liên quan đến khoản vay theo quy định của Bên cho vay và quy định của pháp luật.
9. Hai bên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức này.
10. Hợp đồng tín dụng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí có liên quan khác cho Bên cho vay (Khách hàng giữ 01 bản, Bên cho vay giữ 01 bản). Hợp đồng này được tự động chấm dứt hiệu lực khi Bên vay trả hết nợ cho Bên cho vay.
11. Những vấn đề chưa được nêu trong Hợp đồng tín dụng này, sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.
12. Bên vay xác nhận và đồng ý về việc đề thực hiện các nội dung của Hợp đồng tín dụng này, bên cho vay được phép xử lý, lưu trữ dữ liệu cá nhân của bên vay trên cơ sở đồng ý của bên vay tại hợp đồng này, các tài liệu đi kèm là một phần không thể tách rời của hợp đồng và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Bên cho vay có trách nhiệm bảo mật các thông tin có được trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng này và dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật. Các Bên đã hiểu rõ các quyền, nghĩa vụ của mỗi bên đối với các dữ liệu mà bên vay cung cấp cho bên cho vay theo quy định của pháp luật.

Khách hàng vay vốn <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	☐ Người đồng vay vốn / ☐ Người bảo lãnh <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Cán bộ kỹ thuật <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Trưởng phòng giao dịch <i>(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>	Giám đốc chi nhánh <i>(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>
.....				